

HỒ CHÍ MINH VỚI PHƯƠNG PHÁP VẬN ĐỘNG ĐỒNG BÀO CÁC TÔN GIÁO THAM GIA VÀO SỰ NGHIỆP XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC

NGUYỄN ĐỨC LỮ*

Việt Nam là một quốc gia đa tôn giáo, công tác tôn giáo vận có vai trò cực kỳ quan trọng trong chiến lược đại đoàn kết toàn dân để hoàn thành sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Công giáo hay không Công giáo, Phật giáo hay không Phật giáo đều phải nên nỗ lực đấu tranh cho nền độc lập của nước nhà. Nhiệm vụ của toàn thể chúng ta là phải giữ vững nền độc lập. Trong Công giáo có câu “Tam vị nhất thể”, nhà Phật có câu “Vạn chúng nhất linh” nên chúng ta phải hi sinh cho nhân loại và chúng sinh”¹.

Trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam để đạt khát vọng ấy, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã vận động nhân dân, trong đó có tín đồ, chức sắc các tôn giáo tham gia vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Phương pháp vận động tín đồ, chức sắc các tôn giáo có tính đặc thù riêng, mà Người đã nâng lên tầm nghệ thuật và trở thành bài học vô giá cho hậu thế.

1. Muốn vận động quần chúng các tôn giáo tham gia vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, trước hết phải tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng

Từ năm 1941, khi về nước trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã rất chú ý đến công tác vận động đồng bào các tôn giáo cùng toàn dân giành độc lập cho dân tộc và hạnh phúc cho mọi người. Tư tưởng đoàn kết tôn giáo, hòa hợp dân tộc là tư tưởng lớn nhất của Người trên lĩnh vực tôn giáo. Mục

tiêu của đoàn kết giữa những người có hay không có tín ngưỡng, tôn giáo cũng như tín đồ các tôn giáo khác nhau là nhằm trước hết giành độc lập dân tộc. Nhưng độc lập rồi dân vẫn cứ đói vẫn cứ rét thì thứ độc lập đó chẳng làm gì, vì vậy phải tiến tới xây dựng đất nước để cơm no áo ấm cho mọi người.

Sinh thời, khái niệm xây dựng và bảo vệ Tổ quốc được Chủ tịch Hồ Chí Minh sử dụng trong bối cảnh dân ta còn nô lệ và bị thực dân Pháp tái chiếm nước ta đồng nghĩa với khái niệm mà Người thường dùng là “cứu nước, kiến quốc”.

Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng muốn vận động đồng bào có đạo tham gia kháng chiến, kiến quốc, thì vấn đề có tính nguyên tắc là phải tôn trọng niềm tin tôn giáo của họ. Mọi sự xúc phạm đến tín ngưỡng tôn giáo dưới bất cứ hình thức nào, vì mục đích gì cũng không thể động viên được bà con tín đồ các tôn giáo tham gia cách mạng. Năm 1946, Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa do Người ký đã ghi nhận “Nhân dân có quyền tự do tín ngưỡng”.

Đến Đại hội II, Đảng Lao động Việt Nam vào năm 1951, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Chúng tôi xin nói rõ để tránh sự hiểu lầm: Vấn đề tôn giáo thì Đảng Lao động Việt Nam hoàn toàn tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng của mọi người”². Năm 1955, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký Sắc lệnh 234/SL về vấn đề tôn giáo, gồm 5 chương và 16 điều rất chi tiết và cụ thể về quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân. Hiến pháp 1959 cũng do Người

*PGS.TS. Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh

ký lại tái khẳng định quyền tự do tín ngưỡng của nhân dân.

Chủ tịch Hồ Chí Minh không chỉ tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo mà còn chỉ đạo việc chống những kẻ lợi dụng tôn giáo gây phương hại đến quyền tự do ấy. Tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo đi đôi với việc chống lại những lực lượng xã hội lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để phục vụ các mục đích phi tôn giáo.

Việc tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng không chỉ thể hiện ở những lời nói, trong Hiến pháp, văn kiện của Đảng, mệnh lệnh, chỉ thị, sắc lệnh..., mà bản thân Người luôn nêu gương để giáo dục mọi người tôn trọng và thực hiện quyền ấy.

2. Giải quyết hài hòa các mối quan hệ giữa tôn giáo với dân tộc, đạo với đời, nghĩa vụ công dân với trách nhiệm tín đồ

Chủ tịch Hồ Chí Minh nhiều lần nêu, nước có độc lập thì nhân dân mới được thực sự tự do tín ngưỡng.

Trong một buổi tiếp các đại biểu tôn giáo (Công giáo, Phật giáo, đạo Cao Đài), Người nói: “Dân tộc giải phóng thì tôn giáo mới được giải phóng. Lúc này chỉ có quốc gia mà không phân biệt tôn giáo nữa, mỗi người đều là công dân của nước Việt Nam và có nhiệm vụ chiến đấu cho nền độc lập hoàn toàn của Tổ quốc”³.

Chủ tịch Hồ Chí Minh thường nêu quan hệ đạo với đời, tôn giáo với dân tộc, trách nhiệm công dân với bổn phận tín đồ một cách giản dị, dễ hiểu nhưng rất độc đáo và sâu sắc: Kính Chúa gắn liền với yêu nước, phụng sự Thiên chúa và phụng sự Tổ quốc, nước có vinh thì đạo mới sáng, nước có độc lập thì tín ngưỡng mới được tự do.

Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng: “Một người chân chính yêu nước đồng thời cũng là những chân chính tín đồ của Đức Giêsu. Đức

Giêsu hy sinh vì muốn loài người được tự do hạnh phúc, đồng bào ta cả lương cả giáo cũng vì tự do hạnh phúc cho toàn dân mà hy sinh phấn đấu”⁴.

Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, đối với người có tôn giáo thì đức tin tôn giáo và lòng yêu nước không hề mâu thuẫn. Một người dân Việt Nam có thể vừa là một người dân yêu nước đồng thời cũng vẫn là một tín đồ chân chính, cũng như những kẻ chống lại dân tộc, đồng thời cũng chính là những kẻ phản Chúa. Chúng không chỉ là “Việt gian mà còn là giáo gian”. Trong khi có bao nhiêu người Công giáo làm những việc ích nước, lợi dân, nhưng lại có những kẻ chẳng theo đạo nào vẫn cam tâm ôm chân ngoại bang phản bội Tổ quốc.

Chủ tịch Hồ Chí Minh yêu cầu người Công giáo tốt phải là người công dân tốt, kính Chúa và yêu nước vừa là trách nhiệm công dân vừa là bổn phận dân Chúa. Duy vật hay duy tâm, hữu thần hay vô thần, có hay không có tín ngưỡng, tôn giáo không phải là lý do quyết định thái độ chính trị của mỗi người.

Sự khác biệt về thế giới quan và con đường cứu khổ giữa người cộng sản và người có tôn giáo không thể là trở ngại cho sự hợp tác cùng nhau xây dựng “thiên đường” ngay cõi trần.

3. Vinh danh giáo chủ, tôn trọng chức sắc, quan tâm tín đồ

Chủ tịch Hồ Chí Minh coi những người sáng lập ra tôn giáo lớn đều là những vĩ nhân của lịch sử, những nhà hiền triết. Họ đã từng hi sinh, phấn đấu cho hạnh phúc của con người, luôn mơ ước vươn tới một xã hội tốt đẹp. Người đã từng nguyện là “học trò nhỏ của các quý vị ấy”.

Chủ tịch Hồ Chí Minh ca ngợi tấm lòng bác ái cao cả của Chúa Giêsu, tinh thần đại từ bi cứu độ chúng sinh của Đức Phật Thích Ca và tấm lòng nhân nghĩa của Đức Khổng Tử và cho rằng: Mục đích cao cả của Phật Thích Ca và

Chúa Giêsu đều giống nhau. Thích Ca và Giêsu đều muốn mọi người có cơm ăn, áo mặc, bình đẳng, tự do và thế giới đại đồng. Tấm gương của đức Chúa Giêsu “*chỉ lo cứu thế độ dân, hi sinh cho tự do bình đẳng*”⁵. Đức Phật Thích Ca là “*Đại từ bi cứu khổ, cứu nạn, người phải hi sinh tranh đấu diệt lũ ác ma*”⁶. Còn đức Khổng Tử là người đã “*khởi xướng thuyết đại đồng và truyền bá sự bình đẳng về tài sản. Ông thường nói: Thiên hạ sẽ thái bình khi thế giới đại đồng. Người ta không sợ thiếu chỉ sợ có không đều. Bình đẳng sẽ xoá bỏ nghèo nàn*”⁷. Xét kỹ, lý tưởng ấy không có gì là xa lạ với lý tưởng của những người cộng sản. Người luôn khuyên quần chúng có tín ngưỡng, tôn giáo phải học tập và noi gương các đảng bậc khả kính ấy để thi đua kháng chiến và kiến quốc.

Đánh giá công lao của những người sáng lập ra các tôn giáo lớn, dù Chủ tịch Hồ Chí Minh có viết hay nói với ai, ở các thời kỳ lịch sử, hoàn cảnh nào đi nữa, vẫn có một điểm chung là rất mực tôn kính đối với họ.

Hiểu rõ vai trò của chức sắc trong các cộng đồng tôn giáo cũng như xã hội, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn tôn trọng, gần gũi, cảm hóa và vận động các quý vị tham gia và lãnh đạo đồng bào các tôn giáo tham gia công cuộc cứu nước, kiến quốc. Bên cạnh Người có nhiều nhân sĩ, trí thức, chức sắc các tôn giáo tham mưu, tư vấn cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn quan tâm đến đội ngũ chức sắc các tôn giáo và chăm lo đời sống vật chất lẫn tinh thần cho họ. Chính vì vậy, Người đã động viên nhiều vị cùng tín đồ tham gia công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Đối với tín đồ các tôn giáo, Chủ tịch Hồ Chí Minh quan tâm đến người già, lo lắng cho con trẻ, chú ý đến thanh niên, đồng cảm với phụ nữ. Người đặc biệt chú trọng đến nhu cầu vật

chất và tâm linh của đồng bào các tôn giáo để cho họ được “phần xác ấm no, phần hồn thông dong”. Người vui với niềm vui và buồn với nỗi buồn của bà con tín đồ.

Thái độ chân tình, cởi mở, bao dung và đồng cảm sâu sắc, luôn thấu hiểu nỗi trần trờ, suy tư của đồng bào có tôn giáo, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã để lại ấn tượng tốt đẹp trong lòng tín đồ. Nhiều người chú ý, khi đọc trong những bức thư gửi cho đồng bào Công giáo nhân dịp lễ Nôen (mà hầu như năm nào Người cũng viết), Người luôn đặt Chúa lên trên Tổ quốc và nhân dân, như: trên nhờ Đức Chúa, dưới nhờ nhân dân kháng chiến nhất định thành công, hoặc cuối thư có câu: “Thượng đế và Tổ quốc muôn năm”⁸. Nếu không am tường Công giáo sâu sắc chắc sẽ rất ngạc nhiên với cách diễn đạt trên của một lãnh tụ cộng sản, còn Người rất am tường Công giáo và thấu hiểu tình cảm của bà con giáo dân đối với Chúa. Chủ tịch Hồ Chí Minh nhiều lần gắn sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc mà toàn dân đang thực hiện là phù hợp với nguyện vọng, kế hoạch mà Đức Chúa và Đức Phật đã vạch ra. Điều đó có sức cuốn hút đồng mạnh mẽ bảo các tôn giáo tham gia sự nghiệp cách mạng chung của nhân dân.

4. Giải tỏa, gỡ bỏ dần những vướng mắc trong nhận thức, tư tưởng để đồng bào an tâm tham gia thi đua kháng chiến kiến quốc

Trước luận điệu tuyên truyền, xuyên tạc của một số người không mấy thiện cảm với người cộng sản và chủ nghĩa xã hội, họ đã từng chuyển mâu thuẫn dân tộc, giai cấp thành mâu thuẫn về nhận thức, tư tưởng; biến vấn đề thứ yếu thành chủ yếu nhằm tạo nghi kỵ, đối đầu giữa người Cộng sản với tín đồ các tôn giáo. Đã từng xuất hiện những luận điệu “vô thần và hữu thần như nước với lửa”, “Chủ nghĩa xã hội không tương dung với tôn giáo”, “Chủ nghĩa

xã hội phủ nhận sự tồn tại của Thượng đế"... và gán cho những người Cộng sản đủ thứ xấu xa, là những kẻ vô Tổ quốc, vô gia đình và vô đạo, thậm chí còn đồng nhất người cộng sản với quỷ dữ...

Chủ tịch Hồ Chí Minh thấy cần gỡ bỏ dần những định kiến, mặc cảm và sự hiểu lầm trong nhận thức tư tưởng để đồng bào có tôn giáo an tâm, phấn khởi tham gia vào sự nghiệp cách mạng chung của dân tộc.

5. Muốn vận động quần chúng tham gia công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc phải dựa trên những điểm tương đồng

Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng muốn vận động đồng bào có tôn giáo cùng toàn dân thi đua xây dựng và bảo vệ Tổ quốc phải tìm ra điểm tương đồng về nhu cầu của những người có tôn giáo cũng như không có tôn giáo; những người theo các tôn giáo khác nhau để mọi người phấn đấu cho nó. Người chú ý khai thác mấy điểm sau:

Một là, độc lập dân tộc. Mục tiêu độc lập dân tộc là ước vọng chung của mọi người dân Việt Nam. Người khẳng định chỉ có thể giải phóng được dân tộc thì mới có thể đem lại hạnh phúc cho nhân dân, đem lại tự do cho tôn giáo. Muốn vậy, phải gạt bỏ sự khác biệt thứ yếu để cùng nhau giành độc lập cho Tổ quốc.

Hai là, độc lập dân tộc phải đem lại cơm ăn, áo mặc cuộc sống hạnh phúc cho mọi người. Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng: nước có độc lập mà dân vẫn đói vẫn khổ thì thứ độc lập ấy chẳng có ý nghĩa gì. Do đó độc lập dân tộc phải đem lại hạnh phúc cho nhân dân, có như vậy mới có thể đoàn kết được quần chúng có đạo.

Ba là, sự tương đồng giữa chủ nghĩa xã hội và lý tưởng của tôn giáo, giữa lý tưởng của người cộng sản với mong muốn ước vọng của tín đồ tôn giáo chân chính. Giữa tư tưởng

nhân văn của các vị giáo chủ các tôn giáo với lý tưởng giải phóng người nghèo khổ của các nhà sáng lập ra chủ nghĩa xã hội khoa học là tương đồng.

Bốn là, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thấy nhu cầu tâm linh chung của mọi người Việt Nam, đó là *Thờ cúng Tổ tiên*.

6. Phương pháp tuyên truyền, vận động đồng bào các tôn giáo tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

Chủ tịch Hồ Chí Minh không đồng tình và nghiêm khắc phê phán công tác tuyên truyền, giáo dục, vận động nhân dân nói chung, trong đó có đồng bào các tôn giáo một cách giáo điều, sáo rỗng, nhất là tránh xúc phạm đến niềm tin tôn giáo của tín đồ. Người khuyên tránh cách ứng xử thô bạo, hoặc "đao to búa lớn" mà chủ trương kiên trì giáo dục. Cần lấy cái mới để thay dần cái cũ, lấy cái tốt để thay thế cái xấu, cái lạc hậu "dần dần nói cho người ta hiểu, để người ta vui lòng làm, chứ không có quyền ép người ta". Người thẳng thắn phê bình cán bộ lúc nào cũng thích nói "nào khách quan chủ quan", nào "tích cực tiêu cực", nào "khoa học hóa" và "gì gì hóa" mà "tốt nhất là miệng nói tay làm, làm gương cho người khác bắt chước"⁹. Phương pháp nêu gương và gắn nhiệm vụ cách mạng với ước vọng của Chúa của Phật được Người rất chú trọng. Đối với đồng bào theo Công giáo trước hết là noi gương Chúa, Người khuyên: "Ở khắp nước, thì đồng bào Công giáo và ngoại Công giáo đang đem cả lực lượng vào kháng chiến và kiến quốc, tinh thần hi sinh phấn đấu ấy tức là noi theo tinh thần cao thượng của Chúa Giê su"¹⁰.

Người cho rằng, công cuộc kháng chiến kiến quốc để giữ vững độc lập dân tộc cũng là phù hợp với ý Chúa.

Trong thư gửi đồng bào Công giáo nhân dịp Nôn năm 1953, Hồ Chủ tịch viết:

“Đồng bào ta lương cũng như giáo, đoàn kết kháng chiến, ủng hộ chính sách ruộng đất thực hiện người cày có ruộng tức là làm đúng lời dạy của Chúa Giêsu, tức là thật thà tôn kính Chúa Giêsu”¹¹.

Người luôn khẳng định rằng con đường mà dân tộc ta đi trong đó có sự tham gia của đồng bào các tôn giáo tiến hành kháng chiến đánh đuổi ngoại xâm là hoàn toàn đúng đắn và phù hợp với tinh thần của Chúa và Phật là phải thương yêu, đùm bọc nhau.

Có thể nói, phương pháp tuyên truyền, thuyết phục của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có sức cảm hóa cao và có tính định hướng đúng đắn cho việc giải quyết tôn giáo trong tiến trình cách mạng ở Việt Nam. Quá trình hình thành và vận dụng tư tưởng của Người về tôn giáo gắn liền với thực tiễn đấu tranh giải phóng dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Chủ tịch Hồ Chí Minh không chỉ vận động tín đồ noi gương Đức Chúa, Đức Phật... mà còn cần noi gương ngay cả các vị chức sắc, tín đồ tiến bộ đã có từng có đóng góp cho sự nghiệp cứu nước, kiến quốc.

Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn tôn trọng những giá trị đạo đức, văn hoá của để gạn đục, khơi trong; giữ gìn tiếp biến. Người cho rằng mỗi học thuyết tôn giáo cũng như cách mạng đều có giá trị của nó. Nếu như học thuyết của Khổng Tử có ưu điểm là sự tu dưỡng đạo đức

cá nhân, thì tôn giáo của Chúa Giêsu lại có ưu điểm ở lòng bác ái cao cả. Chủ nghĩa Mác có ưu điểm là phương pháp làm việc một cách biện chứng thì chủ nghĩa Tôn Dật Tiên lại có ưu điểm là chính sách của nó phù hợp với xã hội Việt Nam đương thời. Và ở họ đều có ưu điểm chung là điều muốn mưu cầu hạnh phúc cho xã hội. Người dự đoán rằng “Nếu hôm nay họ còn sống trên đời này, nếu họ hợp lại một chỗ tôi tin rằng họ nhất định *chung sống với nhau rất hoàn mỹ như những người bạn thân thiết*”♦

Chú thích

1. Báo *Cứu quốc*, ngày 14-15 tháng 1 năm 1946
2. Báo *Nhân dân*, số ra ngày 25-3-1951
3. Báo *Cứu quốc*, ngày 14-1-1946
4. Báo *Cứu quốc*, ngày 18-10-1945
5. Hồ Chí Minh, 1995, Toàn tập. Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tập 4, tr. 490.
6. Hồ Chí Minh, 1995. Toàn tập. Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tập 4, tr. 197.
7. Hồ Chí Minh, 1995. Toàn tập. Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tập 5, tr. 197.
8. Hồ Chí Minh, 1995. Toàn tập. Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tập 4, tr. 490.
9. Hồ Chí Minh, 1984. Toàn tập. Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tập 4, tr. 314-344.
10. Hồ Chí Minh, 1995. Toàn tập. Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tập 4, tr. 121.